

Số: 24 /2016/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 22 tháng 7 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định mức trần chi phí chứng thực
và thù lao dịch thuật các giấy tờ, tài liệu liên quan đến
công tác chứng thực trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch;

Căn cứ Thông tư số 20/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/2/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 946/TTr-STP ngày 02 tháng 6 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định mức trần chi phí chứng thực và thù lao dịch thuật các giấy tờ, tài liệu liên quan đến công tác chứng thực trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1039/2005/QĐ-UBND ngày 10/10/2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định tạm thời mức thu và quản lý sử dụng tiền thu dịch vụ của hoạt động công chứng, chứng thực và Quyết định số 32/2009/QĐ-UBND ngày 23/6/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thù lao dịch thuật các giấy tờ, tài liệu liên quan đến công tác chứng thực trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tư pháp, Cục trưởng Cục thuế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: *Km*

- VP Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – BTP;
- Cục HTQTCT-BTP;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT.TU-TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Phòng Tư pháp các huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

50

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Văn Thắng

QUY ĐỊNH

**Mức trần chi phí chứng thực
và thù lao dịch thuật các giấy tờ, tài liệu liên quan đến
công tác chứng thực trên địa bàn tỉnh Tây Ninh**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 24 /2016/QĐ-UBND
ngày 27/ 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức trần chi phí chứng thực đối với Phòng Tư pháp các huyện, thành phố (gọi tắt là cấp huyện) và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (gọi tắt là cấp xã) và mức thù lao dịch thuật các giấy tờ, tài liệu liên quan đến công tác chứng thực trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng nộp: Tổ chức, cá nhân khi yêu cầu cơ quan thực hiện chứng thực in, chụp (photocopy), đánh máy giấy tờ, văn bản; yêu cầu Phòng Tư pháp cấp huyện hoặc cộng tác viên dịch thuật dịch giấy tờ, văn bản từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt hoặc dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài.

2. Cơ quan, đơn vị, cá nhân thu: Ủy ban nhân dân cấp xã, Phòng Tư pháp cấp huyện và các cộng tác viên dịch thuật trên địa bàn tỉnh.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Mức trần chi phí chứng thực

1. Đánh máy giấy tờ, văn bản (bao gồm in văn bản): 10.000 đồng/trang giấy A4;

2. In giấy tờ, văn bản

- a) Giấy A4 1.000đ/trang
- b) Giấy A3 2.000đ/trang.

3. Chụp (photocopy) giấy tờ, văn bản

- a) Giấy A4 500đ/trang
- b) Giấy A3 1.000đ/trang.

Điều 4. Mức trần thù lao dịch thuật

1. Dịch từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt

a. Dịch từ tiếng Anh hoặc tiếng của một nước khác thuộc nhóm EU sang tiếng Việt: 120.000đ/trang/350 từ;

b. Dịch từ ngôn ngữ không phổ thông sang tiếng Việt: 150.000đ/trang/350 từ;

2. Dịch từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài

a. Dịch từ tiếng Việt sang tiếng Anh hoặc tiếng của một nước khác thuộc nhóm EU: 150.000đ/trang/350 từ;

b. Dịch từ tiếng Việt sang ngôn ngữ không phổ thông: 170.000đ/trang/350 từ;

3. Trường hợp dịch chưa tới $\frac{1}{2}$ trang, mức thu được tính bằng $\frac{1}{2}$ mức thu nêu trên; hơn $\frac{1}{2}$ trang nhưng chưa đủ 01 trang, mức thu được tính bằng 01 trang;

4. Các loại giấy tờ, văn bản đã được mẫu hóa như: khai sinh, khai tử, kết hôn, phiếu Lý lịch tư pháp, giấy Chứng minh nhân dân, Thẻ căn cước công dân, hộ khẩu, Học bạ và các loại giấy tờ có tính chất, đặc điểm tương tự thì từ trang thứ hai (02) trở lên sẽ tính bằng ba mươi phần trăm (30%) mức thu bản thứ nhất hoặc trang đầu; trừ các loại giấy tờ, văn bản mang tính chuyên ngành như: quyết định của Tòa án; bản tuyên thệ; di chúc; hợp đồng kinh tế, dân sự; bản án; các văn bản chuyên ngành y khoa, kỹ thuật và các loại giấy tờ, văn bản có hình thức tương tự.

Điều 5. Quản lý, sử dụng chi phí chứng thực

1. Các đơn vị thu có trách nhiệm quản lý, sử dụng chi phí chứng thực theo quy định; thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước về khoản chi phí chứng thực; lập hóa đơn tài chính cho đối tượng nộp chi phí chứng thực theo quy định của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế.

2. Sử dụng số tiền thu được để chi vào các nội dung sau:

a. Chi trả tiền công thuê ngoài, chi làm thêm giờ cho cán bộ, công chức tham gia thực hiện công việc in, chụp, đánh máy giấy tờ, văn bản;

b. Chi phí mua văn phòng phẩm, vật tư văn phòng, thông tin liên lạc, điện, nước và các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến việc in, chụp, đánh máy giấy tờ, văn bản;

c. Chi mua sắm, sửa chữa thường xuyên tài sản, trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho thực hiện in, chụp, đánh máy giấy tờ, văn bản;

d. Sau khi trang trải các khoản chi phí quy định tại Điểm a, b, c Khoản này, phần kinh phí còn lại bổ sung kinh phí hoạt động thường xuyên thực hiện chế độ tự chủ của cơ quan, đơn vị.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Đối với các đơn vị thu

1. Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực Phòng Tư pháp cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã phải niêm yết công khai mức trần chi phí chứng thực và thù lao dịch thuật tại cơ quan, đơn vị mình; mở sổ sách kế

toán để theo dõi, hạch toán riêng khoản chi phí chứng thực theo pháp luật về kế toán thống kê.

2. Việc thu chi phí chứng thực tại Phòng Tư pháp cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và thu thù lao dịch thuật của các cộng tác viên dịch thuật không được cao hơn mức trần chi phí chứng thực và thù lao dịch thuật đã được niêm yết, nếu vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định pháp luật.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan

1. Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Cục thuế tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị và cá nhân trong việc thu các khoản chi phí chứng thực và thù lao dịch thuật.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các Phòng Tư pháp cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã phản ánh kịp thời về Sở Tư pháp, Sở Tài chính để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh, bổ sung./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Văn Thắng